

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“V/v khiếu kiện Quyết định hành chính”

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Ông Hồ Sỹ Hưng

thành phố VT, tỉnh PT. (theo giấy ủy quyền ngày 11/4/2023 có đơn xin xét xử vắng mặt).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H3, sinh năm 1970 (vợ ông H1).
- Chị Phùng Thị Thu H4, sinh năm 1993 (con ông H1)
- Anh Phùng Duy H5, sinh năm 1996 (con ông H1)

Bà H3, chị H4, anh H5 đều ĐKKHTT: số nhà 31, tổ 50, phố MH2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

(Bà H3, chị H4, anh H5 đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2023, lời khai tiếp theo người khởi kiện là ông Phùng Đức H1 trình bày:

- Về Quyết định hành chính bị kiện số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT:

+ Thứ nhất:

a/ Tại phần viện dẫn pháp lý của Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 trên UBND thành phố VT, tỉnh PT có lấy căn cứ khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định thi hành luật đất đai; tại mục 56 sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 4 Điều 87 (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) quy định: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng pháp luật đất đai (không đúng thẩm quyền, không đúng diện tích...), hay theo khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về Tòa án quyết định thu hồi giấy chứng nhận là UBND thành phố VT, tỉnh PT áp dụng sai, áp đặt trái pháp luật, để ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 là vi phạm pháp luật vì giấy chứng nhận của ông H1 không thuộc trường hợp trên.

b/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 62m² Nhà nước cấp cho hộ ông H1 ngày 21/7/2003 theo Luật Đất đai 1993 là đúng pháp luật đất đai, pháp luật nhà ở (Pháp lệnh Nhà ở năm 1991, Điều 9 nhà ở phải được cho phép xây dựng); đúng theo Điều 36 Luật Đất đai 1993, quy định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Điều 56 (Luật Đất đai 1993) quy định: “Việc quản lý và sử dụng đất đai phải căn cứ quy hoạch đô thị được duyệt”.

- Hộ ông H1 sử dụng đất có quyết định giao đất số 455/QĐ-UB ngày 22/6/1993, có cấp phép xây dựng ngày 30/11/1993 của thành phố VT. Ngày 21/7/2003, UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 1473/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 62m² (3,65m x 17m) cho hộ ông H1, tổ 50, phường TC, thành phố VT là đúng pháp luật đất đai.

c/ Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 1993 hay khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, hộ ông H1 có quyết định giao đất của UBND thành phố VT, tỉnh PT số 455/QĐ-UB ngày 22/6/1993, diện tích 64m² (4m x 16m), hộ ông

H1 đã đóng đủ tiền sử dụng đất 64m^2 cho Nhà nước ngày 06/7/1993 (trước thời điểm 15/10/1993) nên ngày 21/7/2003 Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT quyết định số 1473/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 62m^2 (rộng $3,65\text{m}$ x $17,0\text{m}$) đúng sơ đồ thửa đất Quy hoạch đô thị Nhà nước là đúng pháp luật đất đai, nhà ở; hay thửa đất có diện tích 64m^2 (kích thước: rộng $3,65\text{m}$ x dài $17,53\text{m}$) cũng đúng với Pháp luật đất đai.

- Căn cứ khoản 2 Điều 97 Luật đất đai 2013 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 đã được Nhà nước cấp ngày 21/7/2003 trước ngày 10/12/2009 vẫn có giá trị pháp lý và không phải cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Thứ hai:

Về Điều 1 của quyết định: Lý do thu hồi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng diện tích (theo nhận định của TAND tỉnh PT tại Bản án dân sự số 31/2017/DS-PT ngày 26/4/2017 và Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT có Văn bản số 971/UBND ngày 22/4/2021 kết luận không đúng diện tích).

Về lý do thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H1 vì Văn bản số 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT kết luận cụ thể không đúng diện tích. Văn bản số 971 trên kết luận không đúng diện tích là kết luận sai, kết luận trái pháp luật, trái hiến pháp.

- Với số liệu nêu trong Văn bản 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 trên là số liệu sai, đã cũ, không còn giá trị nữa. Như cấm đất lần 1 ngày 23/11/1993 rộng $3,65\text{m}$, dài 16m , diện tích $57,6\text{m}^2$ là thiếu chưa đủ diện tích 64m^2 của quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền và thiếu chiều dài 1m chưa đủ chiều dài $17,0\text{m}$ của Quy hoạch đô thị Nhà nước (ông H1 có ký biên bản để nhận vị trí thửa đất tính từ mặt tiền xây trở vào), việc phải cấm đất lần 2, 3, 4 đủ dài 17m theo quy hoạch và đủ 64m^2 của Quyết định giao đất mới Hoàn thành nhiệm vụ). Các số liệu sai trên đã trái pháp luật, vi phạm Điều 62 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*công dân có quyền xây dựng Nhà ở theo quy hoạch*”, Điều 18 Hiến pháp 1992, quy định: Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch. Vi phạm, trái Điều 56 Luật đất đai 1993, quy định: “*Việc quản lý và sử dụng đất đai phải căn cứ Quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt*”. Tức là việc giao, cấm đất, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải căn cứ quy hoạch được duyệt. Chủ hộ ông H1 thi hành theo Hiến pháp quy hoạch thửa đất dài 17m , (không phải dài 16m của biên bản cấm đất sai ngày 23/11/1993 của địa chính gây cản trở). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 62m^2 ($3,65\text{m}$ x 17m dài) Nhà nước cấp cho ông H1 ngày 21/7/2003 là đúng quy hoạch, không sai diện tích.

- Với các số liệu $60,8\text{m}^2$, đến số liệu thửa đất tư vấn lập ngày 12/12/1996 diện tích ô đất chỉ có $60,7\text{m}^2$ chưa đủ diện tích 62m^2 là sai, là trái pháp luật, nên tại Văn bản số 5633/UBND ngày 7/12/2016 của UBND tỉnh PT và Quyết định tại Bản án hành chính số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) tỉnh P T đã hủy rồi, nhưng nay UBND thành phố VT, tỉnh PT lại lấy đưa vào là trái pháp luật, vi phạm pháp luật. Đến số liệu ngày 19/4/2021

công chức phòng tài nguyên môi trường thành phố VT áp đặt, cố ý chỉ lấy chiều dài thửa đất có nhà ở của hộ ông H1 đang sử dụng là 17m của quy hoạch, nhưng chỉ có dài 16,60m, diện tích 60,59m² (16,60m x 3,65m) là thiếu chiều dài Nhà đất của ông H1 0,40m dài, diện tích 1,46 m² (diện tích này là ông C đang lấn chiếm, xâm phạm vào Nhà đất hợp pháp của hộ ông H1). Tại quyết định Bản án Hành chính số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016, TAND tỉnh PT đã khẳng định, quyết định: “...Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng cho hộ ông Bùi Nhật C không đúng (trái pháp luật) nên đã chồng lấn vào đất của ông H1 1,28m², gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất, nhà ở của ông H1.”

Như vậy về pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 399,3m² cấp ngày 19/11/2010 và giấy phép xây dựng ngày 20/5/2011 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp cho hộ ông C là sai, trái pháp luật, phải bị thi hành án xử lý, hủy quyết định cấp giấy, hủy giấy chứng nhận và thu hồi đất của ông C để trả lại đất của ông H1, đất hạ tầng Nhà nước, UBND thành phố VT, tỉnh PT chưa thi hành là trái pháp luật. Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 62m² (3,65m x 17m dài) do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 21/7/2003 cho hộ ông H1, là đúng sơ đồ thửa đất Nhà nước quy hoạch dài 17m, đúng diện tích đất 62m², đúng pháp luật đất đai. Việc Văn bản số 971/UBND ngày 22/4/2021 Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT cố ý kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 cấp không đúng diện tích là trái Điều 1 phân quyết định tại Bản án Hành chính số 09/2016/HCPT ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT. Do đó phải hủy toàn bộ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT trên.

Về quyết định của án dân sự số 31/DSST ngày 26/4/2017 chỉ bác đơn khởi kiện, không có nêu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1. Và việc thi hành án dân sự phải theo Luật Thi hành án dân sự 2014, bên khởi kiện là ông H1, bên bị kiện là ông Bùi Nhật C và UBND thành phố VT, tỉnh PT có quyền thỏa thuận thi hành án. Ngày 15/4/2022 ông H1 đã thỏa thuận với bên bị kiện về việc ông C phải tháo dỡ nhà xây trái phép, lấn chiếm đất, ngày 10/10/1994 UBND thành phố VT, tỉnh PT đã có Quyết định phá dỡ số 672/QĐ-UBND trả lại đất hộ ông H1 bằng 2 rộng 0,40m để đủ chiều dài thửa đất dài 17m quy hoạch Nhà nước, trả lại đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m, đường nội bộ rộng 5m, nay hộ ông C chưa thực hiện. UBND thành phố VT, tỉnh PT thiếu trách nhiệm không thực hiện nhiệm vụ trong quản lý Nhà nước không bảo vệ quy hoạch, lợi ích đất hạ tầng đô thị của Nhà nước (tại tổ 50, phường TC), không xử lý sai phạm pháp luật đất đai, nhà ở của hộ ông Bùi Nhật C là trái pháp luật.

Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT đưa Bản án dân sự số 31/DSST trên, vào cùng thi hành án với Bản án hành chính số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT là trái pháp luật. Vì việc thi hành án hành chính số 09, hay phần còn lại của Quyết định số 705/QĐ-UBND năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh PT nó độc lập, không phụ thuộc vào Bản án dân sự số 31 trên. Điều 1 của Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đưa nội dung án dân sự số 31 trên vào là không hợp pháp.

Hơn nữa hiện nay tháng 4/2023 bên khởi kiện ông H1 đang có đơn đề nghị TAND tối cao kháng nghị theo thủ tục tái thẩm huỷ Bản án dân sự số 31 trên vì trái Hiến pháp, pháp luật và không bảo vệ lợi ích Nhà nước bị ông Bùi Nhật C chiếm đất mà không xử lý thu hồi.

Như thế đã chứng minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 62m² do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 21/7/2003 cho hộ ông H1 là đúng pháp luật đất đai, đúng diện tích đất 62m², không sai diện tích đất. Nội dung Văn bản số 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT kết luận sai diện tích là sai, trái với quyết định của Bản án hành chính số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT đang có hiệu lực pháp luật, và là trái pháp luật, trái hiến pháp. Do đó phải huỷ quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 trên.

+ Thứ ba:

Tại Điều 2 Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 trên quyết định: “*Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 không còn giá trị pháp lý, chấm dứt các giao dịch về quyền sử dụng đất...*”. Quyết định trên vi phạm khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013.

Từ chứng minh trên Văn bản số 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 và Quyết định hành chính số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT trên là sai, là trái Hiến pháp và pháp luật. Do vậy phải huỷ 2 văn bản đó, để tránh thiệt hại cho công dân (hộ ông H1) và quy hoạch đô thị của Nhà nước.

Tóm lại: Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 đã gây thiệt hại về tài sản đất, nhà ở của hộ ông H1 và mất lợi ích đất hạ tầng đô thị của Nhà nước, cụ thể như:

a/ Việc Văn bản số 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT “cắt đi” chiều dài thửa đất có nhà ở hợp pháp hộ ông H1 đang sử dụng đúng quy hoạch Nhà nước dài 17,0m chỉ còn dài 16,60m, diện tích 60,59m², và mất quyền không còn được sử dụng diện tích 64m² (đã đóng đủ tiền) là gây thiệt hại về tài sản của hộ ông H1 là: $64\text{m}^2 - 60,59\text{m}^2 = 3,41\text{m}^2 \times 60 \text{ triệu đồng/m}^2 = 204 \text{ triệu đồng}$.

b/ Nhà, đất ở hợp pháp hộ ông H1 bị chặt đi, bị bịt kín như cái hang, chiều dài chỉ còn 16,60m, là không còn được đầu nổi sử dụng rãnh thoát nước rộng 1m của Nhà nước (hiện ông C chiếm đất) làm mất giá trị sử dụng của ngôi nhà hộ ông H1, không có lối thoát nước mưa, thải, dây cáp thông tin, cáp điện, mất ánh sáng, thông gió, không có lối thoát nạn sau nhà, khi cháy, nổ xảy ra tại đô thị, gây khó khăn hàng ngày cho hộ ông H1; UBND thành phố VT, tỉnh PT thiếu trách nhiệm và vi phạm pháp luật.

c/ Với Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT ngoài việc gây thiệt hại cho ông H1, và việc không thu hồi đất, cùng giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất 399,3m² đã cấp trái pháp luật cho hộ ông C là UBND thành phố VT, tỉnh PT đã làm mất lợi ích đất hạ tầng rãnh nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m, và 2 trong 3 thửa đất (của quy

hoạch số 1761/QĐ-UBND ngày 7/11/1997), giá trị tối thiểu của 2 ô đất diện tích $150\text{m}^2 \times 30$ triệu đồng/ $\text{m}^2 = 4,5$ tỷ đồng là tài sản của Nhà nước, hiện ông C đang chiếm đất. UBND thành phố VT, tỉnh PT đã bao che, dung túng, đồng phạm hành vi lấn chiếm đất, vi phạm quy hoạch của hộ ông C, chưa xử lý tháo dỡ nhà ông C là trái pháp luật.

d/ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 và Văn bản số 971/UBND-TNMT ngày 22/4/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã vi phạm Hiến pháp và pháp luật, như sau:

d1 - Vi phạm khoản 1, 2, 8,10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, quy định: cấm lấn, chiếm đất; cấm vi phạm quy hoạch; cấm cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

d2 - Vi phạm khoản 1, 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai 2013 về quyền chung của người sử dụng đất.

d3 - Vi phạm khoản 1 Điều 6 Luật Nhà ở 2014 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm: *“xâm phạm quyền sở hữu nhà ở của Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.”*

d4 - Vi phạm Điều 18, Điều 62 Hiến pháp năm 1992 quy định: *“Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch.”* và *“Công dân có quyền xây dựng Nhà ở theo quy hoạch”*.

- Vi phạm Điều 79 Hiến pháp năm 1992, Điều 46 Hiến pháp năm 2013, quy định: *“Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật,..”*

d5 - Vi phạm khoản 1 Điều 26 của Luật Đất đai 2013 về bảo đảm của Nhà nước với người sử dụng đất đai quy định: *“1. Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất.”*

d6 - Vi phạm khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai 2013, quy định: *“người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của luật”*.

d7 - Vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Nhà ở 2014 quy định: chủ sở hữu nhà ở *“Có quyền bất khả xâm phạm về nhà ở thuộc sở hữu hợp pháp của mình”*.

d8 - Vi phạm khoản 2 Điều 54 Hiến pháp 2013, quy định: *“Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật, quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.”*

d9 - Vi phạm khoản 4 Điều 28 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 quy định về nhiệm vụ của UBND cấp huyện: *“Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật..”*

Từ chứng minh trên cho thấy Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã vi phạm quy định pháp luật đất đai, nhà ở, và vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp năm 1992, 2013 của Nhà nước; xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp tài sản nhà, đất ở của hộ ông H1, đã xâm phạm mất lợi ích đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m, và thiệt hại tối thiểu 4,5 tỷ đồng (2 ô diện tích $150\text{m}^2 \times 30$ triệu đồng/ m^2) của 2 trong 3 thửa đất của Nhà nước. Có dấu hiệu

ông C tham nhũng đất (do ông C chiếm đất, UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp giấy chứng nhận 399,3m² đất ngày 19/11/2010 cho hộ ông C trái pháp luật, quá hạn mức 100m²/hộ, vi phạm quy hoạch...vv; chỉ xét giao cho hộ ông C sử dụng 1/3 ô đất, vì hộ ông C đã được cấp đất ở năm 1989 đường HV, đoạn phường TC). Do đó phải huỷ toàn bộ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 trên của UBND thành phố VT, tỉnh PT về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1.

** Các căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT (về giải quyết khiếu nại của ông H1 lần đầu).*

- Trong Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT có nêu: “*Theo quy hoạch chiều dài mỗi ô đất dài 17m nhưng thực tế chỉ 16m quy hoạch không phù hợp với thực tế...ông H1 chỉ được giao diện tích 57,6m² (3,6mx16m)*”. Nhận xét như trên là sai, là trái pháp luật và “bịa đặt”, để bao che một số cán bộ trong thi hành công vụ không chấp hành đúng quy hoạch đô thị Nhà nước, và bao che hành vi lấn, chiếm đất, xây nhà vi phạm quy hoạch của hộ ông Bùi Nhật C. Cụ thể ngoài quỹ đất các hộ băng 2 đủ dài 17m, ngày 7/11/1997, UBND tỉnh PT đã duyệt bổ sung quy hoạch theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND, sau các thửa đất băng 2 đã cấp dài 17m có đất rãnh thoát nước rộng 1m và 3 thửa đất rộng từ 6m - đến 7m (là quá rộng). Do đó không thể nói không có quỹ đất, hay “*quy hoạch các ô chiều dài 17m, quy hoạch không phù hợp thực tế.*”

Vậy, UBND thành phố VT, tỉnh PT đã vi phạm Điều 18 Hiến pháp năm 1992, quy định: “*Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch.*”

- Đồng thời với nhiều nội dung khác và Điều 1 Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT vẫn giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT là trái pháp luật như đã chứng minh trên.

Tóm lại kết luận: Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần đầu) vẫn giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã gây thiệt hại về tài sản đất, nhà ở của hộ ông H1 và mất lợi ích đất hạ tầng đô thị của Nhà nước, cụ thể như:

a/ Việc Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về thu hồi giấy chứng nhận của hộ ông H1 và “cắt đi” chiều dài thửa đất có nhà ở hợp pháp của hộ ông H1 đang sử dụng đúng quy hoạch Nhà nước dài 17m, chỉ còn dài 16,60m, diện tích 60,59m² và mất quyền không còn được sử dụng diện tích 64m² (đã đóng đủ tiền) là gây thiệt hại về tài sản Nhà, đất ở của hộ ông H1: 64m² - 60,59m² = 3,41m² x 60 triệu đồng /m² = 204 triệu đồng, (trị giá kinh tế là 204 triệu đồng).

b/ Nhà, đất ở hợp pháp của hộ ông H1 bị chặt đi, bịt kín như cái hang, chiều dài chỉ còn 16,60m không còn được nổi sử dụng rãnh thoát nước chung rộng 1m của Nhà nước (hiện ông C chiếm đất) là mất giá trị sử dụng của ngôi nhà hộ ông H1, không có lối thoát nước mưa, nước thải, dây cáp thông tin, cấp

điện, mất thông gió, ánh sáng, không có lối thoát nạn sau nhà khi cháy, nổ xảy ra trong đô thị thể hiện việc UBND thành phố VT, tỉnh PT thiếu trách nhiệm và vi phạm pháp luật.

c/ Với Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT ngoài việc gây thiệt hại cho đất, nhà ở của hộ ông H1 và không thu hồi đất, không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 399,3m² đã cấp cho hộ ông C thể hiện việc UBND thành phố VT, tỉnh PT đã gây mất lợi ích đất hạ tầng đô thị rãnh nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m và 2 trong 3 thửa đất (của quy hoạch số 1761/QĐ-UBND ngày 7/11/2007) trị giá tối thiểu của 2 ô đất có diện tích 150m² x 30 triệu đồng/1m² = 4,5 tỷ đồng là tài sản của Nhà nước, hiện nhà trái phép của ông C đang chiếm đất đã được UBND thành phố VT, tỉnh PT bao che, dung túng, đồng phạm với hành vi lấn chiếm đất, vi phạm quy hoạch của ông Bùi Nhật C, chưa xử lý tháo dỡ nhà của ông C là trái pháp luật.

d/ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT vẫn giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT là đã vi phạm Hiến pháp và pháp luật, như:

d1 - Vi phạm khoản 1, 2, 8, 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, quy định: cấm lấn, chiếm đất, cấm vi phạm quy hoạch, cấm cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

d2 - Vi phạm khoản 1, 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai 2013 quy định quyền chung của người sử dụng đất.

d3 - Vi phạm khoản 1 Điều 6 Luật Nhà ở 2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm: “xâm phạm quyền sở hữu nhà ở của Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”

d4 - Vi phạm Điều 18, Điều 62 Hiến pháp năm 1992: “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch...” và “Công dân có quyền xây dựng nhà ở theo quy hoạch”.

- Vi phạm Điều 79 Hiến pháp năm 1992, Điều 46 Hiến pháp năm 2013, quy định: “Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật...”

d5 - Vi phạm khoản 1 Điều 26 về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất (Luật đất đai năm 2013) quy định: “1. Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất.”

d6 - Vi phạm khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của luật.”

d7 - Vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Nhà ở 2014 quy định: chủ sở hữu nhà ở “có quyền bất khả xâm phạm về nhà ở thuộc sở hữu hợp pháp của mình”.

d8 - Vi phạm khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013, quy định: “...Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật, quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.”

d9 - Vi phạm khoản 3 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 quy định nhiệm vụ của Chủ tịch UBND cấp huyện: “*chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ thi hành Hiến pháp và pháp luật,*”.

Từ chứng minh trên cho thấy Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT đã vi phạm pháp luật đất đai, nhà ở, và vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp năm 1992, 2013 của Nhà nước; đã xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp tài sản nhà, đất ở của hộ ông H1, xâm phạm mất lợi ích đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m, và thiệt hại tối thiểu 4,5 tỷ đồng (2 ô đất diện tích 150m² x 30 triệu đồng/1m²) của 2 trong 3 thửa đất Nhà nước, có dấu hiệu ông C tham nhũng đất đai (do ông C chiếm đất, UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp giấy chứng nhận 399,3m² đất ngày 19/11/2010 cho hộ ông C trái pháp luật, quá hạn mức 100m²/hộ, vi phạm quy hoạch...vv;

Từ lẽ trên phải huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần đầu).

** Các căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT (về đình chính quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1).*

- Trong Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT, có nêu:

“Điều 1. Đình chính cơ sở pháp lý thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021, như sau:

Từ: Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Thành căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT...”

- Với Điều 1 của Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đình chính lấy căn cứ là Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, tại khoản 26 Điều 1 về sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, để thu hồi giấy nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1, là cố ý áp dụng trái pháp luật. Bởi vì trong phần quyết định của Bản án hành chính số 09/2016/HCTST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT, và phần quyết định của Bản án dân sự số 31/2017/DS-PT ngày 26/4/2017 của TAND tỉnh PT không nêu “*thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phùng Đức H1*”. Và từ năm 1994 đến nay (4/2023) không có văn bản nào của Thanh tra Nhà nước tỉnh PT hay Thanh tra thành phố VT, tỉnh PT kết luận là giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông H1 không đúng quy định của pháp

luật đất đai và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã kết luận đó là đúng. Do đó Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về đính chính lấy căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 để thu hồi giấy chứng nhận của ông H1 trái pháp luật vì giấy chứng nhận hộ ông H1 không thuộc trường hợp trên.

- Đồng thời với nhiều nội dung khác, tại Điều 2 của Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT vẫn giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh P Tlà trái quy định pháp luật như chứng minh trên. Tóm lại lết luận: Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về đính chính quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT và nội dung khác giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã gây thiệt hại về tài sản đất, nhà ở của hộ ông H1 và mất lợi ích đất hạ tầng đô thị Nhà nước, trái quy định pháp luật, Hiến pháp, cụ thể như sau:

a/ Việc quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và “cắt đi”chiều dài thửa đất có nhà ở hợp pháp của hộ ông H1 đang sử dụng đúng quy hoạch Nhà nước dài 17m chỉ còn dài 16,60m, diện tích $60,59m^2$ và mất quyền không còn được sử dụng diện tích $64m^2$ (đã đóng đủ tiền) là gây thiệt hại về tài sản nhà, đất ở của hộ ông H1: $64m^2 - 60,59m^2 = 3,41m^2 \times 60\text{triệu đồng}/m^2 = 204\text{ triệu đồng}$, (trị giá kinh tế thiệt hại là 204 triệu đồng).

b/ Nhà, đất ở hợp pháp của hộ ông H1 bị chặt đi, bị bịt kín như cái hang, chiều dài chỉ còn dài 16,60m, là không còn được đầu nối sử dụng rãnh thoát nước chung rộng 1m của Nhà nước (hiện ô C chiếm đất) là mất giá trị sử dụng của ngôi nhà ô H1, không có lối thoát nước mưa, nước thải, dây cáp thông tin, cáp điện, mất thông gió, ánh sáng, không có lối thoát nạn sau nhà khi cháy, nổ xảy ra trong đô thị là bất công không chấp nhận được là thành phố VT vi phạm pháp luật.

c/ Với Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT ngoài việc đã gây thiệt hại về nhà đất của hộ ông H1 và không thu hồi đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất $399,3m^2$ đã cấp cho hộ ông C là trái pháp luật. UBND thành phố VT, tỉnh PT đã gây mất lợi ích đất hạ tầng rãnh nước rộng 1m, dài 18m, đường rộng 5m, và 2 trong 3 thửa đất (của quy hoạch số 1761/QĐ ngày 7/11/1997) trị giá tối thiểu của 2 ô đất diện tích $150m^2 \times 30\text{ triệu đồng}/1m^2 = 4,5\text{ tỷ đồng}$ là tài sản của Nhà nước, hiện nhà trái phép của ông C đang chiếm đất được UBND thành phố VT bao che, dung túng, đồng phạm hành vi lấn, chiếm đất, vi phạm quy hoạch chưa xử lý tháo dỡ nhà vi phạm pháp luật của ông C là trái pháp luật.

d/ Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 vẫn giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT là đã vi phạm Hiến pháp và pháp luật, như sau:

d1 - Vi phạm khoản 1, 2, 8, 10 Điều 12 Luật Đất đai 2013, quy định: cấm lấn, chiếm đất đai, cấm vi phạm quy hoạch, cấm cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

d2 - Vi phạm khoản 1, 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai 2013 về quyền chung của người sử dụng đất.

d3 - Vi phạm khoản 1 Điều 6 Luật Nhà ở 2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm: *“xâm phạm quyền sở hữu nhà ở của Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”*

d4 - Vi phạm Điều 18, Điều 62 Hiến pháp năm 1992: *“Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch.”* và *“Công dân có quyền xây dựng Nhà ở theo quy hoạch”*.

- Vi phạm Điều 79 Hiến pháp năm 1992, Điều 46 Hiến pháp năm 2013, quy định: *“Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật...”*

d5 - Vi phạm khoản 1 Điều 26 về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất (Luật Đất đai 2013) quy định: *“1. Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất.”*

d6 - Vi phạm khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai 2013, quy định: *“người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của luật”*.

d7 - Vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Nhà ở 2014 quy định: chủ sở hữu nhà ở *“có quyền bất khả xâm phạm về nhà ở thuộc sở hữu hợp pháp của mình”*.

d8 - Vi phạm khoản 2 Điều 54 Hiến pháp 2013, quy định: *“..Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của luật, quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.”*

d9 - Vi phạm khoản 4 Điều 28 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015 quy định nhiệm vụ của UBND huyện: *“Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật..”*

Từ chứng minh trên cho thấy Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã vi phạm quy định pháp luật đất đai, nhà ở và vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp năm 1992, 2013 của Nhà nước; đã xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp tài sản nhà, đất ở của hộ ông H1, đã xâm phạm mất lợi ích đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m, và thiệt hại tối thiểu 4,5 tỷ đồng (2 ô diện tích 150m² x 30 triệu đồng/1m²) của 2 trong 3 thửa đất Nhà nước. Có dấu hiệu ông C tham nhũng đất (do ông C chiếm đất, UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp giấy chứng nhận 399,3m² đất ngày 19/11/2010 cho hộ ông C trái pháp luật, quá hạn mức 100m²/hộ, vi phạm quy hoạch...vv; chỉ xét giao cho hộ ông C sử dụng 1/3 ô đất, vì hộ ông C đã được Nhà nước cấp đất ở năm 1989 đường HV, đoạn phường TC). Từ lẽ trên phải hủy toàn bộ Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về đính chính và giữ nguyên quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT.

** Các căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần 2):*

Điều 1 của Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT, có nội dung: “*Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT về giải quyết khiếu nại của ông Phùng Đức H1, tổ 50, phường TC, thành phố VT... yêu cầu UBND thành phố VT đình chính phần căn cứ pháp lý.....Việc thu hồi được thực hiện theo quy định tại Nghị Định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT*”.

Với nội dung quyết định như trên của Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần 2) đã trái quy định pháp luật như chứng minh trên (và trong đơn khởi kiện) là Chủ tịch UBND tỉnh PT đã giải quyết sai, gây thiệt hại về tài sản đất, nhà ở của hộ ông H1 và mất lợi ích đất hạ tầng đô thị Nhà nước và trái pháp luật, trái Hiến pháp. Cụ thể như sau:

a/ Với Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT giữ nguyên Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT là “cắt đi” chiều dài thửa đất có nhà ở hợp pháp của hộ ông H1 đúng quy hoạch Nhà nước dài 17m chỉ còn dài 16,60m, diện tích $60,59\text{m}^2$ và mất quyền không còn được sử dụng diện tích đất 64m^2 (đóng đủ tiền đất) đã gây thiệt hại về tài sản Nhà, đất ở của ông H1 là: $64\text{m}^2 - 60,59\text{m}^2 = 3,41\text{m}^2 \times 60 \text{ triệu đồng/m}^2 = 204 \text{ triệu đồng}$

b/ Nhà, đất ở hợp pháp của hộ ông H1 bị chặt đi, bị bịt kín như cái hang, chiều dài chỉ còn 16,60m, nhà dài 17m, là không còn được nổi sử dụng rãnh thoát nước chung rộng 1m của Nhà nước (hiện ô C chiếm đất) là làm mất giá trị sử dụng ngôi nhà hộ ông H1, không có lối thoát nước mưa, nước thải, dây cáp thông tin, cáp điện, mất ánh sáng, thông gió, không có lối thoát nạn sau nhà, khi cháy, nổ xảy ra tại đô thị là bất công không chấp nhận được thể hiện UBND thành phố VT thiếu trách nhiệm.

c/ Với Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT ngoài việc gây thiệt hại về nhà, đất ở của hộ ông H1, và không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất $399,3\text{m}^2$ đã cấp không đúng, trái pháp luật cho hộ ông Bùi Nhật C, là UBND tỉnh đã gây mất lợi ích đất hạ tầng rãnh nước rộng 1m dài 18m, đường rộng 5m, và 2 trong 3 thửa đất (của quy hoạch số 1761/QĐ-UBND ngày 7/11/1997) trị giá tối thiểu của 2 ô đất diện tích $150\text{m}^2 \times 30 \text{ triệu đồng/1m}^2 = 4,5 \text{ tỷ đồng}$ là tài sản của Nhà nước, hiện nhà trái phép của ông C đang chiếm đất đã được UBND tỉnh PT bao che, dung túng, đồng phạm hành vi lấn, chiếm đất, vi phạm quy hoạch của ông Bùi Nhật C, chưa xử lý tháo dỡ nhà vi phạm pháp luật trên của ông C.

d/ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT và Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT đã vi phạm Hiến pháp và pháp luật, như:

d1 - Vi phạm khoản 1, 2, 8, 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, quy định: cấm lấn, chiếm đất, cấm vi phạm quy hoạch, cấm cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

d2 - Vi phạm khoản 1, 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai 2013 về quyền chung của người sử dụng đất.

d3 - Vi phạm khoản 1 Điều 6 Luật Nhà ở 2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm: *“xâm phạm quyền sở hữu nhà ở của Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”*

d4 - Vi phạm Điều 18 Hiến pháp năm 1992: *“Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch...”*. Vi phạm Điều 62 Hiến pháp 1992 quy định: *“Công dân có quyền xây dựng nhà ở theo quy hoạch”*.

- Vi phạm Điều 79 Hiến pháp năm 1992, Điều 46 Hiến pháp năm 2013, quy định: *“Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật”*.

d5 - Vi phạm khoản 1 Điều 26 Luật Đất đai 2013 về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất, quy định: *“1. Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất.”*

d6 - Vi phạm khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai 2013, quy định: *“người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của luật”*.

d7 - Vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Nhà ở 2014 quy định: chủ sở hữu nhà ở *“có quyền bất khả xâm phạm về nhà ở thuộc sở hữu hợp pháp của mình”*.

d8 - Vi phạm khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013, quy định: *“..Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật, quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.”*

d9 - Vi phạm khoản 3 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh: *“chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ thi hành Hiến pháp và pháp luật....”*

Từ chứng minh trên cho thấy Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT (về giải quyết khiếu nại của ông H1 lần 2) đã vi phạm quy định pháp luật đất đai, nhà ở và vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp năm 1992, 2013 của Nhà nước; đã xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp tài sản nhà, đất ở của hộ ông H1, xâm phạm mất đất hạ tầng rãnh thoát nước dài 18m, rộng 1m (sau các thửa đất băng 2), đường nội bộ rộng 5m của đô thị Nhà nước và thiệt hại tối thiểu 4,5 tỷ đồng (2 ô đất diện tích 150m² x 30 triệu đồng/1m²) của 2 trong 3 thửa đất Nhà nước. Hộ ông C có dấu hiệu tham nhũng đất đai (do ông C đã chiếm đất, UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp giấy chứng nhận 399,3m² đất ngày 19/11/2010 cho hộ ông C trái pháp luật, quá hạn mức 100m²/hộ, vi phạm quy hoạch...vv; chỉ nên xét giao cho hộ ông C sử dụng 1/3 ô đất, vì hộ ông C đã được Nhà nước cấp đất ở năm 1989 đường HV, đoạn A5-A6 qua phường TC).

Do đó phải huỷ toàn bộ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT.

Từ những chứng minh trên cho thấy: Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT và Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT ban hành trái pháp luật, không bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bị thiệt hại của công dân (hộ ông H1), lợi ích đất hạ tầng đô thị Nhà nước, không xử lý vi phạm pháp luật đất đai, nhà ở của hộ ông Bùi Nhật C, cho nên người khởi kiện đề nghị, yêu cầu:

- *Thứ nhất:*

1.1/ UBND thành phố VT, tỉnh PT phải ban hành Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 62m² của hộ ông H1 và Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về đình chính Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT.

1.2/ Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần đầu).

1.3/ Chủ tịch UBND tỉnh PT phải ban hành Quyết định về hủy bỏ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT về giải quyết khiếu nại của ông H1 (lần 2) do Phó Chủ tịch UBND tỉnh PT Phan Trọng T ký thay.

1.4/ Và sau đó Chủ tịch UBND tỉnh PT phải tiếp tục thi hành Quyết định của Bản án hành chính số 09/2016/HC-ST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT và thi hành khoản 2 Điều 16 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về thi hành án hành chính. Do phần Quyết định hành chính số 705/UBND-TD ngày 9/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh PT trái pháp luật bị hủy nên Văn phòng UBND tỉnh PT phải làm các thủ tục khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông H1 bên khởi kiện (ban hành Quyết định công nhận thửa đất có nhà ở của hộ ông H1 có diện tích 62m² (rộng 3,65m x 17m) đúng với sơ đồ thửa đất dài 17m của UBND tỉnh PT đã duyệt tại quy hoạch Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/3/1993); và lợi ích đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m, dài 18m, đường rộng 5m của Nhà nước hiện nay đang bị nhà xây vi phạm pháp luật, vi phạm quy hoạch đô thị của hộ ông Bùi Nhật C đang chiếm đất.

Tức là phải tháo dỡ nhà ông C, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 399,3m² và thu hồi 2/3 thửa đất của quy hoạch số 1761/QĐ-UBND ngày 7/11/1997 của UBND tỉnh PT đã duyệt...Để trả lại đất của hộ ông H1, đất hạ tầng đô thị (rãnh thoát nước chung rộng 1m, đường nội bộ rộng 5m) và 2 thửa đất của Nhà nước mà UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp trái pháp luật cho hộ ông Bùi Nhật C.

- *Thứ hai:*

Trường hợp người bị kiện là UBND thành phố VT, tỉnh PT không tự ban hành quyết định hủy 3 quyết định trên và Chủ tịch UBND tỉnh PT không tự hủy Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 thì đề nghị TAND tỉnh PT xét xử quyết định hủy toàn bộ nội dung 3 quyết định trên của UBND thành phố VT, tỉnh PT và quyết định hủy toàn bộ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT. Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh PT tiếp

tục phải có nghĩa vụ thi hành quyết định của Bản án hành chính số 09/2016/HCTST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT đã tuyên và thi hành khoản 2 Điều 16 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về thi hành án hành chính. Trong bản án hành chính này TAND tỉnh PT quyết định hay phải kiến nghị, yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh PT, Chủ tịch UBND thành phố VT phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ làm thủ tục, biện pháp để khôi phục quyền lợi hợp pháp bên được thi hành án; như ban hành quyết định huỷ Quyết định số 14087/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của UBND thành phố VT và quyết định thu toàn bộ diện tích khu đất 399,3m² của hộ ông C đang sử dụng và thu hồi, hay huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 399,3m² ngày 19/11/2010 do UBND thành phố VT, tỉnh PT đã cấp cho hộ ông Bùi Nhật C trái pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch đô thị, đã chồng lấn vào đất, nhà ở hợp pháp của hộ ông H1 1,28m² gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất, nhà ở của ông H1. Để khôi phục, trả lại đất của hộ ông H1, đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m, dài 18m sau các hộ băng 2, đất đường rộng 5m, và 03 thửa đất của Nhà nước tại quy hoạch năm 1997. Về nhân đạo, hộ ông C chỉ được xét giao 01 ô trong 3 ô đất trên.

Bên phải thi hành án theo nhiệm vụ tại khoản 3, 4, 5 Điều 92 các trường hợp phá dỡ nhà ở, căn cứ điểm a, hoặc b khoản 2 Điều 95 về cưỡng chế phá dỡ nhà ở Luật Nhà ở 2014 ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ toàn bộ nhà ở 2 tầng, công trình kiến trúc, xây dựng khác, cổng, tường xây dài 5,5m, cây cối trên khu đất của hộ ông Bùi Nhật C đang sử dụng trái pháp luật (ngõ 25, tổ 50, phố MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.)

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh PT là Phan Trọng T trình bày:***

- Về nội dung khiếu nại: Khiếu nại và đề nghị huỷ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X657643 ngày 21/7/2003 cấp cho hộ ông Phùng Đức H1; huỷ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với đơn của ông H1.

Ông Phùng Đức H1 đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh PT:

Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Điều 35 Luật Khiếu nại, ban hành Quyết định tạm đình chỉ thực hiện Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT và Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT để ngăn chặn kịp thời, không làm mất và gây tổn hại quyền, lợi ích nhà ở, đất ở hợp pháp của gia đình ông. Ban hành quyết định huỷ bỏ toàn bộ 02 quyết định nói trên cho vì 02 quyết định này là trái pháp luật, gây thiệt hại quyền, lợi ích hợp pháp nhà ở, đất ở của ông H1, xâm phạm lợi ích đô thị Nhà nước.

Ban hành quyết định về công nhận sơ đồ thửa đất của hộ ông H1 đang sử dụng tại số nhà 31, tổ 50, phố MH2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26, diện tích 62,0m² theo kích thước rộng 3.65m x dài 17,0m đúng với sơ đồ quy hoạch đô thị khu dân cư tổ 50 đó được UBND tỉnh PT phê duyệt tại Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/3/1993 để thay thế sơ đồ thửa đất

do thành phố VT lập ngày 12/12/1996 và đã bị Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT tuyên hủy bỏ.

- Các nội dung khác: Đề nghị UBND tỉnh PT tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thi hành Bản án hành chính số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT để khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Xử lý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp, tháo dỡ nhà xây dựng trái pháp luật của hộ ông Bùi Nhật C để trả lại đất hạ tầng rãnh thoát nước rộng 1m (sau băng 2 nhà ông H1), đường rộng 5m của đô thị Nhà nước và 1.46m² đất của hộ ông H1 (0,4m x 3,65m) do hộ ông C đang lấn chiếm.

- Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố VT: Chủ tịch UBND thành phố VT đã giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại.

Lý do: Việc UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 4268/QĐ- UBND ngày 13/12/2021 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phùng Đức H1 là có cơ sở và đúng quy định tại khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

* Kết quả kiểm tra xác minh và nhận xét, kết luận:

- Về nguồn gốc đất:

Diện tích đất hộ ông H1 sử dụng để làm nhà ở hiện nay có nguồn gốc được Nhà nước giao năm 1993, cụ thể: Ngày 24/3/1993, UBND tỉnh VP có Quyết định số 456/QĐ-UB về việc thu hồi 970m² đất chợ trung tâm do không sử dụng đến và chuyển sang giao đất ở cho các hộ. Trong đó, quy hoạch gồm 2 băng: Băng 1 giáp chợ trung tâm, băng 2 giáp đường sắt (khu vực hộ ông H1 được giao đất). Mỗi ô có kích thước 3,5m - 4m bề rộng, 17m chiều dài.

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh PT và quy hoạch chi tiết đó được phê duyệt; UBND thành phố VT quyết định giao đất cho các hộ. Tuy nhiên, để có đủ diện tích giao đất cho các hộ ở băng 2 theo quy hoạch phải sử dụng một phần diện tích đất của gia đình ông C đang sử dụng, thời điểm đó hộ ông C chưa được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/6/1993, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 455/QĐ-UB về việc giao đất cho hộ ông H1 với diện tích: 4,0m x 16,0m = 64m². Ông H1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài C đối với diện tích này (theo mức 50kg thóc/m³).

Ngày 23/11/1993, hộ ông H1 được giao đất tại thực địa, thể hiện tại Biên bản cắm đất số 750/93-BB trong đó diện tích được giao là 57,4m² với kích thước 3,6m (chiều rộng) x 16m (chiều sâu). Ranh giới thửa đất thể hiện: phía sau giáp đất bà Phận (hộ ông C). Biên bản này có chữ ký của chủ hộ nhận đất tại thực địa là ông Phùng Đức H1.

- Việc sử dụng đất của hộ ông H1 và diễn biến vụ việc:

Ngày 25/11/1993, ông H1 có đơn xin phép xây dựng nhà ở kèm theo bản vẽ thiết kế xây dựng. Hồ sơ đó được UBND phường TC, thành phố VT xác nhận

và nhà đất được UBND thành phố VT phê duyệt ngày 30/11/1993, nội dung: *"Đồng ý để chủ hộ xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt."*

Khi ông H1 xây dựng nhà thờ hộ ông C có đơn gửi UBND phường TC, thành phố VT kiến nghị về việc sử dụng đất của hộ ông H1. Ngày 06/5/1994, ông H1 có đơn đề nghị gửi UBND phường TC, thành phố VT và UBND thành phố VT, tỉnh PT xem xét cấp đủ đất cho ông theo quy hoạch. Cùng thời điểm này, hộ ông Bùi Nhật C cũng có đơn khiếu nại về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của gia đình sử dụng từ năm 1970. Nội dung đơn của ông H1 và ông C đó được UBND thành phố VT và UBND tỉnh PT xem xét giải quyết. Trong đó, các cơ quan của tỉnh và UBND thành phố VT xác định đề nghị của hộ ông H1 theo quy hoạch là chính đáng nhưng do vướng mắc mặt bằng có khiếu nại của hộ ông C nên thống nhất điều chỉnh quy hoạch để phù hợp. Cụ thể:

Ngày 07/11/1997, UBND tỉnh PT ban hành Quyết định số 1761/QĐ-UBND duyệt quy hoạch bổ sung đất ở dân cư tổ 50, phường TC, thành phố VT theo bản vẽ quy hoạch được duyệt kèm theo quyết định, chiều dài thửa đất khu dân cư đối với nhà ông H1 là 16,75m. (Theo bản vẽ quy hoạch tại Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/3/1993 của UBND tỉnh VP).

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1:

Ngày 03/01/2002, ông H1 có đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 42, tờ bản đồ 26, diện tích 62m² với kích thước 3,65m x 17m. Đơn của ông H1 được Hội đồng đăng ký đất đai phường TC xét duyệt ngày 15/4/2002, UBND phường TC, thành phố VT xác nhận ngày 15/4/2002.

Các hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 gồm: Biên bản xác định mốc giới thửa đất ngày 15/9/1996 (không ghi diện tích, kích thước thửa đất). Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 12/12/1996 thể hiện diện tích 60,7m² (có bản ghi 62,0m nhưng có dấu hiệu chỉnh sửa) với kích thước: cạnh giáp đường 3,65m, cạnh giáp đất hộ bà Lịch 16,67m, cạnh giáp đất hộ ông Bắc 16,85m, cạnh phía sau giáp đất hộ ông C 3,6m. Quyết định giao đất (64m² = 4m x 16m); Biên bản giao đất (57,4m² = 3,6m x 16m); Biên lai thu lệ phí thổ cư đối với diện tích 64m².

Ngày 21/7/2003 hộ ông H1 được UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X657643 tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26 với diện tích 62,0m² đất ở.

* Kiểm tra đối chiếu hồ sơ thửa đất:

Theo hồ sơ địa chính năm 1996 thể hiện: ông Phùng Đức H1 là chủ sử dụng của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26, diện tích: 60,7m² đất ở. Tương ứng với kích thước của hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 12/12/1996 (mặt giáp đường là 3,65m, phía sau 3,60m; chiều dài một cạnh 16,67m, một cạnh 16,85m).

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 với diện tích 62m² không căn cứ theo các giấy tờ về quyền sử dụng đất đó cấp và hồ sơ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Các giấy tờ này không thống nhất về số

liệu và không có tài liệu nào thể hiện thửa đất ở của hộ ông H1 có kích thước $3,65\text{m} \times 17\text{m} = 62\text{m}^2$.

Bản đồ địa chính được đo vẽ tháng 6/1996 (kiểm tra hoàn thành tháng 12/1996), tại vị trí tiếp giáp với hộ ông H1: khi đó hộ ông C đã xây dựng nhà ở trái phép trên đất chưa được công nhận quyền sử dụng đất. Cùng thời điểm đó hộ ông H1 đã xây dựng nhà theo sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, thời điểm lập bản đồ địa chính năm 1996, đang tồn tại công trình xây dựng trái phép của hộ ông C. Việc đo đạc theo thực địa đối với vị trí tiếp giáp giữa hộ ông H1 và hộ ông C là chưa đầy đủ cơ sở để lấy ranh giới này xác định việc sử dụng đất của các hộ. Bản xác định ranh giới, mốc giới của hộ ông H1 cho thấy phần chữ ký giáp ranh với hộ bà Phận (hộ ông C) không được chủ hộ ký giáp ranh. Do đó, 02 tài liệu này (Bản đồ địa chính được đo vẽ tháng 6/1996, kiểm tra hoàn thành tháng 12/1996 và Bản xác định ranh giới, mốc giới) không phản ánh đúng tình trạng sử dụng đất của hộ ông H1.

Xem xét thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 cho thấy: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 được thực hiện sau 10 năm kể từ khi ông H1 được giao đất tại thực địa (từ năm 1993-2003). Tức là quá trình sử dụng thực tế 10 năm, ông H1 đã đăng ký, kê khai và được các cơ quan xem xét để cấp diện tích 62m^2 . Đây là xem xét công nhận phần diện tích đó sử dụng ngoài diện tích được giao trên thực địa là $57,4\text{m}^2$. Việc xem xét trên chưa chặt chẽ, không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa làm rõ tình trạng tranh chấp đất đai (không có chữ ký xác nhận giáp ranh của hộ ông C).

* Đối với các nội dung liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai, bồi thường tài sản giữa hộ ông Phùng Đức H1 với hộ ông Bùi Nhật C; việc xây dựng lấn chiếm quyền sử dụng đất ở; việc sử dụng lối đi chung; việc đề nghị hủy giấy phép xây dựng cấp cho hộ ông Bùi Nhật C đó được TAND tỉnh PT thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016, Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2017/DS-PT ngày 26/4/2017), vì vậy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh PT.

- Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1:

Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 cho hộ ông Phùng Đức H1 cho thấy có sự không thống nhất số liệu giữa các loại giấy tờ liên quan; kết quả kiểm tra hiện trạng cho thấy diện tích hộ ông H1 đang sử dụng là không đúng với giấy chứng nhận đó cấp. UBND thành phố VT xác định giấy chứng nhận đó cấp cho hộ ông H1 thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, trình tự thu hồi thực hiện theo khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Mặt khác, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT quyết định: "*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi*

kiện của ông Phùng Đức H1 về việc yêu cầu hủy Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT về phần có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Phùng Đức H1”. Ông khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng cho hộ ông Bùi Nhật C không đúng nên đã chồng lấn vào phần đất của ông 1,28m gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất, nhà ở của ông. Chấp nhận Văn bản số 5633/UBND-TD ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh PT về việc hủy một phần Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức H1 về việc yêu cầu “hủy Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT về phần có nội dung UBND tỉnh PT trả lời những khiếu nại đối với các văn bản của UBND tỉnh PT và UBND thành phố VT của ông Phùng Đức H1”.

Như vậy, Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT, ngoài phần bị hủy bỏ (đã được UBND tỉnh PT thực hiện tại Văn bản số 5633/UBND-TD ngày 07/12/2016 và được TAND tỉnh PT chấp nhận như đã nói ở trên), phần còn lại phải thực hiện, đó là: “...*Giao UBND thành phố VT kiểm tra, kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phùng Đức H1, xử lý theo quy định*”. Đây chính là nội dung mà UBND thành phố VT phải thực hiện khi thi hành Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016. Việc UBND thành phố VT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 là nội dung thuộc trách nhiệm phải thi hành đối với Bản án hành chính của TAND tỉnh PT.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với các hồ sơ liên quan, UBND thành phố VT xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành X657643) cấp cho hộ ông H1 là không đúng diện tích đất, kích thước...thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp cho hộ ông H1 là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT đã viện dẫn khoản 56, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ để thực hiện thủ tục thu hồi là chưa đúng với quy định tại thời điểm. Việc thu hồi phải được thực hiện theo khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. Tuy việc áp dụng này không làm thay đổi bản chất vụ việc, nhưng cần được đính chính cho phù hợp.

Tại buổi đối thoại ngày 30/9/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh PT giao xác minh vụ việc) thông báo cho ông Phùng Đức H1 về kết quả xác minh và biện pháp giải quyết khiếu nại theo quy định. Các cơ quan tham gia đối thoại đó giải thích: việc UBND thành phố VT, tỉnh PT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp cho hộ ông H1 là có cơ sở và đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, ông H1 vẫn không đồng ý.

Từ kết quả xác minh trên, Chủ tịch UBND tỉnh PT ban hành Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2)

của ông Phùng Đức H1, tổ 50, phố MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT, có nội dung:

Điều 1. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phùng Đức H1, tổ 50, khu MH2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

Yêu cầu UBND thành phố VT, tỉnh PT đình chính phần căn cứ pháp lý tại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phùng Đức H1, cụ thể: việc thu hồi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT.

Điều 2. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh PT, ông Phùng Đức H1 có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Quan điểm giải quyết: Giữ nguyên Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Phùng Đức H1, tổ 50, phố MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

*** Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh P
T và của UBND thành phố VT, tỉnh PT trình bày:**

- Về nguồn gốc đất: diện tích đất hộ ông H1 sử dụng để làm nhà ở hiện nay được Nhà nước giao năm 1993, cụ thể: ngày 24/3/1993, UBND tỉnh VP ban hành Quyết định số 456/QĐ-UB về việc thu hồi 970m² đất chợ trung tâm do không sử dụng đến và chuyển sang giao đất ở cho các hộ. Trong đó, quy hoạch gồm 2 băng: băng 1 giáp chợ trung tâm, băng 2 giáp đường sắt (khu vực hộ ông H1 được giao đất). Mỗi ô có kích thước 3,5m-4m bề rộng, 17m chiều sâu. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh và quy hoạch chi tiết đó được phê duyệt, UBND thành phố VT quyết định giao đất cho các hộ. Tuy nhiên, để có đủ diện tích giao đất cho các hộ ở băng 2 theo quy hoạch phải sử dụng một phần diện tích đất gia đình ông C đang sử dụng, thời điểm đó hộ ông C chưa được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 22/6/1993, UBND thành phố VT có Quyết định số 455/QĐ-UB về việc quyết định giao đất cho hộ ông H1 với diện tích: 4,0m x 16,0m = 64m². Ông H1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài C đối với diện tích này (theo mức 50 kg thóc/m²). Ngày 23/11/1993, hộ ông H1 được giao đất tại thực địa, thể hiện tại Biên bản cắm đất số 750/93-BB trong đó diện tích được giao là 57,4m². Ngày 23/11/1993, hộ ông H1 được giao đất tại thực địa, thể hiện tại Biên bản kích thước 3,6m (chiều rộng) x 16m (chiều sâu). Ranh giới thửa đất thể hiện: phía sau giáp đất bà Phận (hộ ông C). Biên bản này có chữ ký của chủ hộ nhận đất tại thực địa là ông Phùng Đức H1.

Việc sử dụng đất của hộ ông H1 và diễn biến vụ việc ngày 25/11/1993, ông H1 có đơn xin phép xây dựng nhà ở kèm theo bản vẽ thiết kế xây dựng. Hồ sơ đó được UBND phường TC thành phố VT xác nhận, được Phòng Xây dựng và Nhà đất thành phố VT, tỉnh PT phê duyệt ngày 30/11/1993, nội dung: “*Đồng ý để chủ hộ xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt.*”. Khi ông H1 xây

dựng nhà thờ hộ ông C có đơn gửi UBND phường TC kiến nghị về việc sử dụng đất của hộ ông H1. Ngày 06/5/1994, ông H1 có đơn đề nghị gửi UBND phường TC và UBND thành phố VT xem xét cấp đủ đất cho ông theo quy hoạch. Cùng thời điểm này, hộ ông Bùi Nhật C cũng có đơn khiếu nại về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của gia đình sử dụng từ năm 1970. Nội dung đơn của ông H1 và ông C đã được UBND thành phố VT và UBND tỉnh PT xem xét giải quyết. Trong đó, các cơ quan của tỉnh và UBND thành phố VT xác định đề nghị của hộ ông H1 theo quy hoạch là C đáng nhưng do vướng mắc mặt bằng có khiếu nại của hộ ông C nên thống nhất điều chỉnh quy hoạch để phù hợp. Cụ thể: ngày 07/11/1997, UBND tỉnh PT ban hành Quyết định số 1761/QĐ-UBND duyệt quy hoạch bổ sung đất ở dân cư tổ 50, phường TC, theo bản vẽ quy hoạch được duyệt kèm theo quyết định, chiều dài thửa đất khu dân cư trong đó có nhà ông H1 là 16,75m. (Theo bản vẽ quy hoạch tại Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 24/3/1993 của UBND tỉnh VP).

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1: ngày 03/01/2002, ông H1 có đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 42, tờ bản đồ 26, diện tích 62m² với kích thước 3,65m x 17m. Đơn của ông H1 được Hội đồng đăng ký đất đai phường TC xét duyệt ngày 15/4/2002, UBND phường TC xác nhận ngày 15/4/2002. Các hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 gồm: Biên bản xác định mốc giới thửa đất ngày 15/9/1996 (không ghi diện tích, kích thước thửa đất). Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 12/12/1996 thể hiện diện tích 60,7m² (có bản ghi 62,0m nhưng có dấu hiệu chỉnh sửa) với kích thước: cạnh giáp đường 3,65m, cạnh giáp đất hộ bà Lịch 16,67m, cạnh giáp đất hộ ông Bắc 16,85m, cạnh phía sau giáp đất hộ ông C 3,6m. Quyết định giao đất (64m² = 4m x 16m); Biên bản giao đất (57,4m² = 3,6m x 16m); Biên lai thu lệ phí thổ cư đối với diện tích 64m². Ngày 21/7/2003 hộ ông H1 được UBND thành phố VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X657643 tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26 với diện tích 62,0m² đất ở. Kiểm tra đối chiếu hồ sơ thửa đất: theo hồ sơ địa chính năm 1996 thể hiện: ông Phùng Đức H1 là chủ sử dụng của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26, diện tích: 60,7m² đất ở, tương ứng là 3,65m, phía sau 3,60m; chiều sâu một cạnh 16,67m, một cạnh 16,85m.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 với diện tích 62m² không căn cứ theo các giấy tờ về quyền sử dụng đất đó cấp và hồ sơ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Các giấy tờ này không thống nhất về số liệu và không có tài liệu nào thể hiện thửa đất ở của hộ ông H1 có kích thước 3,65m x 17m = 62m².

Bản đồ địa chính được đo vẽ tháng 6/1996 (kiểm tra Hoàn thành tháng 12/1996), tại vị trí tiếp giáp với hộ ông H1: khi đó hộ ông C đó xây dựng nhà ở trái phép trên đất chưa được công nhận quyền sử dụng đất. Cùng thời điểm đó hộ ông H1 đã xây dựng nhà theo sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, thời điểm lập bản đồ địa chính năm 1996, đang tồn tại công trình xây dựng trái phép của hộ ông C. Việc đo đạc theo thực địa đối với vị trí tiếp giáp giữa hộ ông H1 và hộ ông C là chưa đầy đủ cơ sở để lấy ranh giới này xác định việc sử dụng đất của các hộ. Bản xác định ranh giới, mốc giới của hộ ông H1 cho thấy

phần chữ ký giáp ranh với hộ bà Phận (hộ ông C) không được chủ hộ ký giáp ranh. Do đó, 02 tài liệu này (Bản đồ địa chính được đo vẽ tháng 6/1996, kiểm tra hoàn thành tháng 12/1996 và Bản xác định ranh giới, mốc giới) không phản ánh đúng tình trạng sử dụng đất của hộ ông H1.

Xem xét thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1 cho thấy: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 được thực hiện sau 10 năm kể từ khi ông H1 được giao đất tại thực địa (từ năm 1993-2003). Tức là đó có quá trình sử dụng thực tế 10 năm, ông H1 đã đăng ký, kê khai và được các cơ quan xem xét để cấp diện tích 62m². Đây là xem xét công nhận phần diện tích đó sử dụng ngoài diện tích được giao trên thực địa là 57,4m². Việc xem xét trên là chưa chặt chẽ, không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa làm rõ tình trạng tranh chấp đất đai (không có chữ ký xác nhận giáp ranh của hộ ông C).

+ Đối với các nội dung liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai, bồi thường tài sản giữa hộ ông Phùng Đức H1 với hộ ông Bùi Nhật C; việc xây dựng lấn chiếm quyền sử dụng đất ở; việc sử dụng lối đi chung; việc đề nghị hủy giấy phép xây dựng cấp cho hộ ông Bùi Nhật C...đó được Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, bản án đó có hiệu lực pháp luật (Bản án số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016, Bản án số 31/2017/DS-PT ngày 26/4/2017), vì vậy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh PT.

- Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H1: kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận năm 2003 cho hộ ông Phùng Đức H1 cho thấy có sự không thống nhất số liệu giữa các loại giấy tờ liên quan; kết quả kiểm tra hiện trạng cho thấy diện tích hộ ông H1 đang sử dụng là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. UBND thành phố VT xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H1 thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, trình tự thu hồi thực hiện theo khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Mặt khác, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT có nội dung: “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức H1 về việc yêu cầu hủy Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT về phần có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Phùng Đức H1: hộ ông Bùi Nhật C được cấp đất không đúng nên đã chồng lấn vào phần đất của ông H1 là 1,28m gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất, nhà ở của ông H1.

Chấp nhận Văn bản số 5633/UBND-TD ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh PT về việc hủy một phần Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức H1 về việc yêu cầu “hủy Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT về phần có nội dung

UBND tỉnh PT trả lời những khiếu nại đối với các văn bản của UBND tỉnh PT và UBND thành phố VT của ông Phùng Đức H1”.

Như vậy: Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh PT, ngoài phần bị hủy bỏ (đó được UBND tỉnh PT thực hiện tại Văn bản số 5633/UBND-TD ngày 07/12/2016 và đã được TAND tỉnh PT chấp nhận như đã nói ở trên) thì phần còn lại vẫn có hiệu lực thực hiện, đó là: “... *Giao UBND thành phố VT kiểm tra, kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phùng Đức H1, xử lý theo quy định*”. Đây chính là nội dung mà UBND thành phố VT, tỉnh PT phải thực hiện khi thi hành Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016.

Kết luận: Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 là nội dung thuộc trách nhiệm phải thi hành đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HCST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh PT.

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa, đối chiếu với các hồ sơ liên quan, UBND thành phố VT, tỉnh PT xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành X657643) cấp cho hộ ông H1 là không đúng diện tích đất, kích thước...thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H1 là có cơ sở và đúng quy định.

- Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT đã viện dẫn khoản 56, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ để thực hiện thủ tục thu hồi là chưa đúng với quy định tại thời điểm. Việc thu hồi phải được thực hiện theo khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. Tuy việc áp dụng này không làm thay đổi bản chất vụ việc, nhưng cần được đính chính cho phù hợp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của TAND tỉnh PT, quyết định: căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204 Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

[1]. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức H1 về việc đề nghị hủy các quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X 657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại khu MH, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

- Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh P T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc đính chính Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, tỉnh PT về việc thu hồi Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số X 657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại khu MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

- Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT về việc giải quyết Khiếu nại của ông Phùng Đức H1, địa chỉ tổ 50, khu MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT, (lần hai).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của TAND PT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phùng Đức H1, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh PT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi giải quyết vụ án.

Ông Phùng Đức H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bốn Quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại khu MH, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

- Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT về việc đình chỉ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại khu MH 2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

- Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Đức H1, địa chỉ: tổ 50, khu MH2, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT (lần hai).

Đây là những quyết định hành chính thuộc hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân tỉnh PT theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

- Ngày 13/12/2021, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp cho hộ ông Phùng Đức H1 tại khu MH, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

Ngày 17/12/2021, ông H1 có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT; ngày 27/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1456/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông H1.

Ngày 20/5/2022, ông H1 có đơn khiếu nại (lần hai) đối với Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT và Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT.

Ngày 20/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh PT ban hành Quyết định số 2781/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần hai) và ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 4956/QĐ-UBND đình chỉ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT.

Không đồng ý với bốn quyết định hành chính nêu trên, ngày 07/12/2022 và ngày 16/3/2023 ông H1 có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung đến TAND tỉnh PT yêu cầu hủy bỏ nội dung của bốn quyết định hành chính trên.

Như vậy, việc ông H1 khởi kiện đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về sự vắng mặt của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Trọng T là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh PT; ông Phạm Xuân H2 là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố VT; UBND thành phố VT; Bà Lê Thị H3; chị Phùng Thị Thu H4; anh Phùng Duy H5 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của ông Phùng Đức H1 đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X657643 cấp ngày 21/7/2003 do UBND TP VT cấp cho hộ ông H1 tại khu MH, phường TC, thành phố VT. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 24/3/1993, UBND tỉnh VP có Quyết định số 456/QĐ-UB về việc thu hồi 970m² đất chợ trung tâm do không sử dụng đến và chuyển sang giao đất ở cho các hộ. Trong đó, quy hoạch gồm 2 băng: băng 1 giáp chợ trung tâm, băng 2 giáp đường sắt (khu vực hộ ông H1 được giao đất). Mỗi ô có kích thước 3,5m - 4m bề rộng, 17m chiều sâu. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh PT và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, UBND thành phố VT, tỉnh PT quyết định giao đất cho các hộ trong đó có hộ của ông H1. Ngày 22/6/1993, UBND thành phố

VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 455/QĐ-UB giao đất cho hộ ông H1 với diện tích: $4\text{m} \times 16\text{m} = 64\text{m}^2$. Ngày 23/11/1993, hộ ông H1 được giao đất tại thực địa, thể hiện tại Biên bản cắm đất số 750/93-BB trong đó thể hiện diện tích được giao là $57,6\text{m}^2$ với kích thước $3,6\text{m}$ (chiều rộng) $\times$ 16m (chiều sâu), ranh giới thửa đất: phía Tây giáp đất bà Phận (hộ ông C), phía Đông giáp đường dân sinh, phía Nam giáp đất ông Đa, phía Bắc giáp đất bà Lịch; Biên bản này có chữ ký của chủ hộ nhận đất tại thực địa là ông Phùng Đức H1. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo vẽ năm 1996 thì thửa số 42, tờ bản đồ 26 có diện tích $60,7\text{m}^2$ gồm các cạnh lần lượt $3,65\text{m}$, $3,60\text{m}$, $16,67\text{m}$ và $16,85\text{m}$. Năm 2003, hộ ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất ở 62m^2 . Như vậy, phần diện tích mà ông H1 được giao trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thống nhất với quyết định giao đất, biên bản cắm đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Xét nguyên nhân diện tích khác nhau giữa các văn bản thấy rằng Quyết định số 455/QĐ-UB ngày 22/6/1993 của UBND thành phố VT, tỉnh PT hộ ông H1 được cấp 64m^2 , nhưng do quỹ đất không có nên thực tế ông H1 chỉ được giao $57,6\text{m}^2$, ông H1 đã nhận đất và ký biên bản cắm đất nên đã chấp nhận thực tế này và không có ý kiến gì. Hộ ông H1 được giao $57,6\text{m}^2$ nhưng thực tế đang sử dụng là $60,7\text{m}^2$ nên hồ sơ địa chính năm 1996 thể hiện ông Phùng Đức H1 là chủ sử dụng của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 26, diện tích $60,7\text{m}^2$ đất ở. Tương ứng với kích thước của hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 12/12/1996 (mặt giáp đường là $3,65\text{m}$, phía sau $3,60\text{m}$; chiều sâu một cạnh $16,67\text{m}$, một cạnh $16,85\text{m}$). Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 với diện tích 62m^2 không căn cứ vào các giấy tờ về quyền sử dụng đất đã cấp, hồ sơ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất, không phản ánh đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất của hộ ông H1.

Trong quá trình sử dụng đất, ông H1 cho rằng hộ ông Bùi Nhật C (là hàng xóm) được UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2010 với diện tích $399,3\text{m}^2$ vượt hạn mức giao đất ở đô thị; đất không có nguồn gốc hợp pháp, không có quyết định giao đất; xây dựng không hợp pháp đã lấn chiếm sang đất nhà ông H1 $1,4\text{m}^2$, lấn đất hạ tầng rãnh thoát nước $3,65\text{m}$ và lối đi chung khu đô thị 5m ; được cấp giấy phép xây dựng trái quy hoạch khi ông C đang chồng lấn và xâm hại đến nhà ở hợp pháp của gia đình ông H1...Nên ông H1 đã kiến nghị, khiếu nại nhiều lần đến các cấp chính quyền địa phương và khởi kiện ra Tòa án giải quyết vụ án hành chính.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 14/12/2016 của TAND tỉnh P Tcũng đã tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của ông H1 về việc yêu cầu “*Hủy Văn bản số 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 của chủ tịch UBND tỉnh PT về phần có nội dung UBND tỉnh PT trả lời những khiếu nại đối với văn bản của UBND tỉnh và UBND thành phố VT của ông H1*”. Như vậy văn bản 705/UBND-TD ngày 09/3/2015 vẫn còn phần hiệu lực thực hiện đó là: “*Giao UBND thành phố VT kiểm tra, kết luận về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phùng Đức H1; xử lý theo quy định*”. Sau khi Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 14/12/2016 có hiệu lực pháp luật, ngày 22/4/2021 UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Văn bản số 971/UBND về thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 14/12/2016 của

TAND tỉnh PT, trong đó có kết luận giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H1 không đúng với hiện trạng sử dụng đất, cần phải điều chỉnh quyết định giao đất cho hộ ông H1 theo thực tế và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 theo quy định pháp luật.

Tiếp đó ông H1 khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về nhà ở ra TAND thành phố VT, cho rằng hộ ông Bùi Nhật C (là hàng xóm) đó có hành vi xây dựng nhà không hợp pháp, trái quy hoạch, xây chồng lấn sang đất nhà ông H1 1,4m²...đã xâm hại đến nhà ở hợp pháp của gia đình ông H1. Vụ án này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/DS-ST ngày 18/10/2016 và Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số 31/DS-PT ngày 26/4/2017; đều nhận định hộ ông C không lấn chiếm đất, không xây dựng chồng lấn sang đất nhà ông H1, không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H1, khi giao đất tại thực địa ông H1 đã trực tiếp nhận và ký vào biên bản cắm đất, sau đó ông H1 đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đã nhận, và thực tế đất ông H1 đang sử dụng có diện tích nhiều hơn diện tích đất ông H1 được giao nhận tại Biên bản cắm đất là 57,6m². Lẽ ra khi giao đất trên thực địa, thấy có sự chênh lệch UBND thành phố VT phải thu hồi Quyết định số 455/QĐ-UB ngày 22/6/1993 của UBND thành phố VT để điều chỉnh lại diện tích đất cấp cho ông H1 theo đúng như Biên bản cắm đất. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã tuyên bác các yêu cầu khởi kiện của ông H1. Ông H1 đã khiếu nại hai bản án này theo trình tự giám đốc thẩm; tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị số 667/TB-TANDCC-DS ngày 31/10/2018 của TAND cấp cao tại Hà Nội và Thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm số 316/TB-VC1-DS ngày 15/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Thông báo không kháng nghị tái thẩm số 15/TB-VC1-DS ngày 15/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 45/TB-TA ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân tối cao cũng đã trả lời ông H1 là Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông là có cơ sở, vì vậy đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của ông không có căn cứ, do vậy Bản án dân sự phúc thẩm số 31/DS-PT ngày 26/4/2017 của TAND tỉnh PT đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phùng Văn H1, với lý do: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng diện tích (theo nhận định của TAND tỉnh PT tại Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2017/DS-PT ngày 26/4/2017 và Văn bản số 971/UBND ngày 22/4/2021 của Chủ tịch UBND TP VT, tỉnh P T đã kết luận cụ thể cấp không đúng diện tích) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật được quy định tại:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về: đình chính, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp.

“1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm đình chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót trong các trường hợp sau đây.

a).....

b).....

2. Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a).....

.....

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3.....”

Căn cứ khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐCP ngày 18/12/2020 của Chính phủ (sửa đổi bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 87 ND 43/2014) quy định:

“4. Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai được thực hiện như sau:

a) Trường hợp TAND có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai có bản án, quyết định có hiệu lực thi hành, trong đó có kết luận về việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp thì việc thu hồi giấy chứng nhận được thực hiện theo bản án, quyết định đó;

b).....

c) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật Đất đai và Điều 37 của Nghị định này phát hiện giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đó cấp không đúng quy định;

d)

đ) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận tại thời điểm thu hồi giấy chứng nhận;

e)

g) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các điểm b, c và d khoản này thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

5. Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận đó thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi

vi phạm dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai.”

Do đó, ông H1 yêu cầu TAND tỉnh PT hủy bỏ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2]. Đối với Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông H1 và Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT về việc đình chính quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT.

Không đồng ý với các nội dung của Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022, ông H1 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố VT, ngày 27/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1456/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu), với nội dung: *“Giữ nguyên Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H1”*.

Ngày 20/5/2022, ông H1 tiếp tục có đơn khiếu nại (lần hai) gửi Chủ tịch UBND tỉnh PT về việc khiếu nại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT và Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT. Ngày 20/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh PT ban hành Quyết định số 2781/QĐ-UB giải quyết khiếu nại (lần hai), với nội dung: *“Công nhận và giữ nguyên nội dung của Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố VT, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; yêu cầu UBND thành phố VT đình chính phần căn cứ pháp lý tại Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021, cụ thể: việc thu hồi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT”*.

Xét thấy: Các quyết định này được ban hành đúng hình thức, thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

Về nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai: đều kết luận căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ kỹ thuật sử dụng đất, kết quả kiểm tra thực tế diện tích đất hộ ông H1 đang sử dụng và các căn cứ pháp luật về quản lý đất đai. Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H1 (62m²) năm 2003 là không đúng với diện tích đất được giao tại thực địa là 57,6m², diện tích đất đang sử dụng thực tế là 60,7m²..., nên việc UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H1 là đúng quy định của pháp luật đất đai, thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND thành phố VT, tỉnh PT căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ để thực hiện thủ tục thu hồi trong Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT là chưa đúng với quy định tại thời điểm

ban hành quyết định thu hồi đất (tháng 12/2021). Vì Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ được sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản, điều bởi Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ và có hiệu lực từ ngày 08/02/2021. Tuy nhiên việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật này không làm thay đổi bản chất việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cũng cần được đính chính cho phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Trên cơ sở kết luận và quyết định của Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh PT; ngày 31/10/2022, UBND thành phố VT đã ban hành Quyết định số 4956/QĐ-UB về việc đính chính Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT với nội dung đính chính về cơ sở pháp lý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đính chính từ căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thành căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ là hoàn toàn đúng quy định.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố VT, tỉnh PT ban hành Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố VT về đính chính Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố VT và Chủ tịch UBND tỉnh PT ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2781/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 là đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định pháp luật về quản lý đất đai.

Do vậy, các nội dung khiếu nại lần đầu, lần hai của ông H1 không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Đức H1 là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phùng Đức H1 không xuất trình thêm chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, bác kháng cáo của ông Phùng Đức H1; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Phùng Đức H1 được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phùng Đức H1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh PT;

2. Về án phí: ông Phùng Đức H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường